

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 08 – 10 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Quốc

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số C khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/5/2019 cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng ý kiến, quan điểm trong cuộc sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuối năm 2018, chị về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 15/5/2015. Từ khi anh, chị ly thân đến nay, cháu Tr do anh Đ nuôi dưỡng, cháu T do chị H nuôi dưỡng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn chung sống với nhau được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị H đồng ý để anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr, đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh Đạt vi phạm nghĩa vụ nuôi con, chị sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con bằng vụ án khác. Còn đối với cháu T, chị đồng ý cháu muốn ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Nếu cháu T ở với anh Đ, chị đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Nếu cháu T ở với chị, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ trình bày: Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như chị H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ thừa nhận xuất phát từ việc anh có ghen tuông với chị H.

Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thật sự trầm trọng, hơn nữa anh còn thương chị H nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Đối với con chung: Đề nghị giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Tr cho anh Đ nuôi dưỡng. Anh Đ, chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Tân Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007. Tại thời điểm kết hôn, anh chị có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định và đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P nên xác định hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do anh, chị bất đồng quan điểm, ý kiến trong cuộc sống, cả hai không còn tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Về phía anh Đ thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc anh Đ có ghen tuông do nghi ngờ tình cảm của chị H. Bên cạnh đó, cha mẹ anh Đ cũng cho rằng giữa chị H và anh Đ trước khi ly thân có xảy ra việc anh Đ ghen tuông với chị H.

Từ đó đủ căn cứ xác định giữa chị H và anh Đ phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống là sự thật.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã kéo dài thời gian và cũng đã hòa giải để các bên hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Xét anh, chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 đến nay, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu để kéo dài cũng không thể nào hàn gắn được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ đều có việc làm ổn định, chăm sóc con cái chu đáo, không xảy ra bạo lực trong quá trình nuôi con nên đủ điều kiện để nuôi con.

Xét thấy anh Đ có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung Nguyễn Ngọc Cẩm T và Nguyễn Minh Tr. Chị H thống nhất giao cháu Tr cho anh Đạt nuôi dưỡng. Đối với cháu T, theo quy định của pháp luật đã trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu. Qua xem xét ý kiến, nguyện vọng của cháu T thì cháu muốn được ở với chị H. Hiện tại, chị H cũng là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống, học tập cũng như tôn trọng ý kiến của cháu, cần giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh Đ, chị

H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Đ, chị H không ai có quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Tấn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 25/3/2009. Giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 15/5/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H, anh Đ chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho chị H, anh Đ không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0021412 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

5. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Thọ